TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Xuân Dệt
2. Bà Tô Thị Lành

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 , tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58 /2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 4, phường Chi L , TP. P , tỉnh G, Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Đinh Tấn L , sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 4, phường Chi L , TP.P , tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 – 8 – 2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị H và anh Đoàn Tấn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; chị H và anh L sống chung từ năm 1995 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Cát C , huyện Phù C, tỉnh B. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì chị H và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H và

anh L bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh L thường xuyên uống rượu về quậy phá gia đình, không quan tâm gì đến vợ con, do đó, từ năm 2016 cho tới nay chị H đã sống ly thân với anh Đoàn Tấn L . Đến nay chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đoàn Tấn L .

- Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung là Đoàn Thị N, sinh ngày 16-8-2003. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Không yêu cầu. Đối với cháu Đoàn Văn N, sinh ngày 23/6/1996 đã trưởng thành và tự lập nên chị H không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đoàn Tấn L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P , tỉnh G tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[3] Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đoàn Tấn L, cư trú tại: tổ 4, phường Chi L, TP.P, tỉnh G. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Bị đơn là anh Đoàn Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đoàn Tấn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và và được Ủy ban nhân dân xã Cát C , huyện Phù C , tỉnh B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03-7-2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp.

[6] Quá trình chung sống chị H cho rằng anh L không quan tâm tới gia đình, từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì tới nhau. Theo biên bản xác minh ngày 25-01-2018 (Bút lục số 27) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Chi L , TP.P , tỉnh G thể hiện anh Đoàn Tấn L và chị Lê Thị H hiện tại đang sinh sống tại: 65 Lý Chính T , tổ 4, phường Chi L , thành phố P , tỉnh G. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H . Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[7] Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là Đoàn Văn N , sinh ngày 23-6-1996 và Đoàn Thị N sinh ngày 16/8/2003. Tại bản tự khai ngày 29-11-2017 (Bút lục số 20) thể hiện cháu Đoàn Thị N có nguyện vọng được sống chung với chị H . Đối với cháu Đoàn Văn N đã trưởng thành và tự lập được nên chị H không yêu cầu giải quyết. Anh L không có ý kiến, yêu cầu gì về việc chị H nuôi con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị H.

[7] Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Hà có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh Lực phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập đến.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận về phần tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H và anh L không có nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, Tòa án không đề cập đến.

[10] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Đoàn Tấn L.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đoàn Thị N, sinh ngày 16-8-2003 cho chị Lê Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0003703 ngày 20-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P , tỉnh G. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (Giấy CNKH số 35 ngày 03-7-2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Hồng